

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-PT

Ngày: 09 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa; Bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/TLPT-HS ngày 08/01/2018 đối với bị cáo Trần Văn H do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HS-ST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Bị cáo kháng cáo: **Trần Văn H**, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1992 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy K và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án theo Bản án số 20/2014/HSPT ngày 25/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Nghiã An, ra Trại ngày 30/01/2015; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/4/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 33/2010/HSPT.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn T; có các người bị hại là anh Phạm Phú K, ông Phạm Thanh T; có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông: Võ Đại Phú C, Nguyễn Sỹ H, Hoàng Văn N nhưng không có kháng cáo, án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00 ngày 18/4/2016, Trần Văn H và Nguyễn Văn T đi từ Nhà nghỉ Linh Linh ở xã H, huyện B về, trên đường về khi đi qua nhà ông Phạm Thanh T ở thôn N, xã H, H nhìn thấy bên trong sân nhà ông T có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh trắng, BKS 73F1 - 235.90 dựng ở sân. H nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô nói trên nên nói với T và T đồng ý cùng H trèo hàng rào lên vào khuôn viên nhà ông T. H đi cầu thang ở ngoài sân lên tầng 2 thì thấy ông T đang nằm ngủ trong phòng, H đi đến gần lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 3 và 01 chùm chìa khóa nhà để trên đầu giường rồi đi xuống đưa điện thoại di động cho T. H và T mở cửa vào tầng 1 tìm kiếm thì thấy chùm chìa khóa xe máy nằm ở sát cửa, T lấy chìa khóa mở khóa điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh trắng, BKS 73F1 - 235.90 rồi đẩy xe ra đường khoảng 30 mét thì nổ máy chở H theo đường Quốc lộ 1A chạy vào Bệnh viện Đông Hà, tỉnh Quảng Trị gửi xe ở đó rồi bắt xe khách quay về nhà. Ngày 20/4/2016, H điều khiển xe của mình chở T vào lại Bệnh viện Đông Hà lấy xe đưa vào thành phố Huế tìm nơi tiêu thụ. H và T được H (không rõ tuổi, địa chỉ) đưa chiếc xe mô tô đến cầm cố cho ông Võ Đại Phú C ở số 02, Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế lấy 30.000.000đ (để lại 01 CMND và 01 giấy đăng ký xe mang tên Phạm Phú K), H chia cho T 13.000.000đ, trả công cho H 1.000.000đ, số còn lại H giữ. Sau đó H và T về thành phố Đồng Hới bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Note 3 lấy 800.000đ, H đưa cho Th 400.000đ, số còn lại H giữ. Ông C bán xe mô tô nói trên cho Nguyễn Sỹ H, trú tại số 100, đường Nguyễn Hữu C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình sau đó Nguyễn Sỹ H bán lại xe mô tô trên cho Hoàng Văn N, trú tại thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và được đổi giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn N.

Kết luận định giá xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc, BKS 73F1 - 235.90, số khung SM G3E4E034033, số máy SK 0610FY032929 của anh Phạm Phú K (con ông T) trị giá 38.700.000đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 3 của ông Phạm Thanh T, trị giá 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng: 47.200.000đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án: Thu giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc, BKS 73F1 - 235.90, số khung SM G3E4E034033, số máy SK 0610FY032929 cho anh Phạm Phú K. Thu giữ một giấy đăng ký xe mô tô BKS 73F1 - 235.90 mang tên Hoàng Văn N, hiện chưa xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Phú K đã nhận lại xe mô tô, yêu cầu các bên liên quan sang tên lại giấy đăng ký chiếc xe ban đầu là Phạm Phú K. Ông Phạm Thanh T không yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Note 3 bị chiếm đoạt. Bị cáo Trần Văn H đã bồi thường cho anh Nguyễn Sỹ H số tiền 5.000.000đ, bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho anh Nguyễn Sỹ H số tiền

17.500.000đ theo thoả thuận, anh H đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì thêm; Nguyễn Sỹ H đã bồi thường cho Hoàng Văn N số tiền 30.000.000đ, Hoàng Văn N không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 77/THQCT - KSĐT ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 78/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T.

Xử phạt Trần Văn H 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

Xử phạt Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng các Điều 76, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, giao trả Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 73 F1 – 235.90 mang tên Hoàng Văn N cho Phạm Phú K; buộc các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ Án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước; tuyên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T, đối với các người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định ngày 06/12/2017, bị cáo Trần Văn H có đơn kháng cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội do nghe theo bạn bè, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Trần Văn H khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo và Nguyễn Văn T đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H và giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Theo lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn H phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo Trần Văn H, của bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài sản trộm cắp bị thu giữ, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST, ngày 29/11/2017 của Toà án nhân dân huyện

Bộ Trạch quyết định tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị xét xử theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tuy có hình phạt cải tạo không giam giữ, có hình phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm nhưng ở vụ án này các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản có tổng giá trị lên đến 47.200.000đ, bị cáo Trần Văn H phạm tội thuộc trường hợp có tình tiết tăng nặng “tái phạm”, là kẻ khởi xướng và cũng là người cùng bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện việc trộm cắp xe mô tô của anh Phạm Phú K, trộm cắp điện thoại di động ông Phạm Thanh T. Theo tính chất, mức độ vụ án, giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm “Trộm cắp tài sản” trong giai đoạn hiện nay, Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án 27 tháng tù, cao hơn 3 tháng so với mức án đối với bị cáo Nguyễn Văn T là thoả đáng, không nặng.

Bị cáo Trần Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không có thêm tình tiết gì mới chưa được án sơ thẩm xem xét nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm án cho bị cáo.

[2]. Về Án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Trần Văn H.

Bị cáo Trần Văn H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu Án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, mức nộp án phí vụ án hình sự phúc thẩm;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H và giữ y Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Văn H, xử phạt bị cáo Trần Văn H 27 tháng tù (hai mươi bảy tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ Án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về giao trả Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 73 F1 – 235.90 mang tên Hoàng Văn N cho anh Phạm Phú K; buộc các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ Án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/02/2018).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BL TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn Tòa hình sự, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Việt